**Mẫu 37**

# (TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH TRONG GIẤY PHÉP**

…………….. (1)

**(Trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất)**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**  *Ký (đóng dấu nếu có)* | **ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO**  *Ký, đóng dấu* |

Địa danh, tháng…./năm…..

(1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế.

**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH TRONG GIẤY PHÉP**

**MỞ ĐẦU**

1. Tóm tắt các thông tin của chủ giấy phép thăm dò nước dưới đất *(kèm theo bản sao Quyết định thành lập tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*.
2. Tóm tắt các thông tin của giấy phép thăm dò nước dưới đất đã được cấp.
3. **Tình hình thực hiện giấy phép thăm dò nước dưới đất**
   1. Tình hình thi công đối với từng hạng mục thăm dò, gồm các thông tin: ngày bắt đầu thi công, phương pháp thi công, việc tuân thủ quy trình, quy phạm kỹ thuật khi thi công, kết quả đạt được, tiến độ thực hiện so với kế hoạch và các vấn đề khó khăn, sự cố gặp phải trong quá trình thi công.
   2. Nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò chưa thực hiện và lý do chưa thực hiện *(kèm theo bảng tổng hợp nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò đã thực hiện và chưa thực hiện)*.
   3. Đánh giá tình hình chấp hành các nội dung quy định trong giấy phép thăm dò nước dưới đất đã được cấp.
   4. Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò: xác định rõ những nội dung khác biệt giữa thiết kế và thi công thực tế của các hạng mục công tác, đề xuất phương án điều chỉnh trong quá trình thăm dò.
4. **Nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò**
   1. Thuyết minh các lý do liên quan đến việc đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất*.*

Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do đề nghị cấp lại kèm theo tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép và các giấy tờ khác có liên quan.

* 1. Thời gian đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò nước dưới đất: .... tháng/năm *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò).*
  2. Thuyết minh các hạng mục thăm dò đề nghị điều chỉnh *(khoan, bơm,.*..) và các nội dung điều chỉnh *(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép)*.
  3. Trình bày các nội dung đề nghị điều chỉnh và trình tự, thời gian thực hiện, yêu cầu kỹ thuật đối với từng hạng mục thăm dò điều chỉnh, kèm theo bảng tổng hợp nội dung, khối lượng điều chỉnh *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò)*.
  4. Trường hợp điều chỉnh có sự thay đổi về sơ đồ bố trí công trình: thuyết minh sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo sơ đồ.
  5. Trường hợp điều chỉnh có sự thay đổi về thiết kế công trình thăm dò hoặc điều chỉnh chiều sâu thăm dò: Thuyết minh việc điều chỉnh thiết kế công trình thăm dò kèm theo bản vẽ thiết kế.

# KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép thăm dò nước dưới đất.
2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép *(về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu cung cấp và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung trong Báo cáo).*
   * 1. **Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm**

## Trình tự thực hiện:

* *Bước 1: Nộp hồ sơ:*

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp địa phương chưa thành lập Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công), sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa.

* *Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:*

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định.

* *Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:*

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Đối với công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thì Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về tác động của việc khai thác nước dưới đất của công trình đề nghị cấp phép đến an toàn công trình thủy lợi.

+ Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.

+ Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

## Cách thức thực hiện:

* *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Bộ phận Một cửa.
* *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Bộ phận Một cửa trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.
  + - 1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:*** 01 bộ hồ sơ gồm:
* Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu 03, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;
* Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất;
* Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m3/ngày đêm trở lên theo Mẫu 38, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm trong trường hợp chưa có công trình khai thác theo Mẫu 39, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP; báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động theo Mẫu 40, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;
* Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, đảm bảo mỗi tầng chứa nước khai thác tối thiểu 1 mẫu.
  + - 1. ***Thời hạn giải quyết:*** 45 ngày
* *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.
* *Thời hạn thẩm định báo cáo:* Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.
* *Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo* không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân.

## Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

* *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
* *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

## Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m3/ngày đêm theo Mẫu 21 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.

1. ***Phí thẩm định:*** do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

## Tên mẫu đơn, báo cáo, giấy phép:

* Đơn đề nghị cấp giấy phép theo *Mẫu 03 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP*
* Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m3/ngày đêm trở lên theo *Mẫu 38 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP*
* Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm trong trường hợp chưa có công trình khai thác theo *Mẫu 39 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP*
* Báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động theo *Mẫu 40 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP*
* Giấy phép khai thác nước dưới đất theo *Mẫu 21 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP*

## Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Việc khai thác tài nguyên nước phù hợp với Quy hoạch về tài nguyên nước; quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước; khả năng đáp ứng của nguồn nước; khai thác nước dưới đất phù hợp với quy định liên quan đến vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước;
* Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra theo quy định của Luật Tài nguyên nước;
* Bảo đảm thông tin, số liệu sử dụng để lập báo cáo đầy đủ, chính xác.

## Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước